

**CÔNG TY CP THOÁT NƯỚC
VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH**

DANH SÁCH TỔNG HỢP NGƯỜI SỞ HỮU CỔ PHẦN NHẬN CỔ TỨC BẰNG TIỀN NĂM 2019

Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh

Mệnh giá: 10.000 đồng

Ngày đăng ký cuối cùng: 10/7/2020

Tỷ lệ thanh toán: 11%/cổ phiếu

Ngày thanh toán: 10/8/2020

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Địa chỉ liên hệ	Số lượng CK năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Số tiền cổ tức sau thuế	Ký nhận
1	2	3	4	5	6	7=6*1.100	8=7*5%	9=7-8	10
I	Cá nhân								
1	Bùi Thị Anh Đào	125594553	Việt Nam	Đoàn Kết- Phù Lãng- Quê Võ- Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
2	Bùi Thị Hồng Thu	125047020	Việt Nam	Khu Thụ Ninh- Phường Vạn An- Bắc Ninh	2.400	2.640.000	132.000	2.508.000	
3	Cao Phan Trường	125108258	Việt Nam	Đồng Địa- Khu 2- Thị Cầu- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	9.800	10.780.000	539.000	10.241.000	
4	Chu Bá Hoàng	125809720	Việt Nam	Bồng Lai- Quê Võ- Bắc Ninh	3.200	3.520.000	176.000	3.344.000	
5	Chu Đức Ánh	125004780	Việt Nam	85- Nguyễn Huy Tường- Suối Hoa- Bắc Ninh	5.600	6.160.000	308.000	5.852.000	
6	Cáp Văn Bình	125675518	Việt Nam	Quả Cầm- Hòa Long- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
7	Cáp Văn Tuấn	125518438	Việt Nam	Ngõ 80 Khu Hữu- Đường Thành Cổ- P. Vệ an- Bắc Ninh	6.100	6.710.000	335.500	6.374.500	
8	Dương Thị Hương	125155476	Việt Nam	Ngâm Mạc- Lãng Ngâm- Gia Bình- Bắc Ninh	2.900	3.190.000	159.500	3.030.500	
9	Hoàng Tiến Dương	125017406	Việt Nam	Thôn Hà Liễu- Phương Liễu- Quê Võ	800	880.000	44.000	836.000	
10	Hà Ngọc Thê	121974075	Việt Nam	Hà Tú- Chu Điện- Lục Nam- Bắc Giang	5.200	5.720.000	286.000	5.434.000	
11	Hồ Quốc Hùng	0250850002 02	Việt Nam	Số nhà 450- Đường Thiên Đức- P. Kinh Bắc- TP Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
12	Khổng Văn Đông	125758258	Việt Nam	Dũng Liệt- Yên Phong- Bắc Ninh	2.100	2.310.000	115.500	2.194.500	
13	Lê Anh Sơn	125258576	Việt Nam	Số 09- Ngõ 03- Hoàng Quốc Việt- Từ Sơn Bắc Ninh	2.100	2.310.000	115.500	2.194.500	
14	Lê Công Hoàn	125142602	Việt Nam	Khu 3- Đại Phúc- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	3.000	3.300.000	165.000	3.135.000	
15	Lê Thị Láng	125116448	Việt Nam	Số nhà 01- Mai Bang- Suối Hoa- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	3.600	3.960.000	198.000	3.762.000	
16	Lê Xuân Oánh	145569551	Việt Nam	Khu Phương Vỹ- Phường. Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.700	2.970.000	148.500	2.821.500	

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Địa chỉ liên hệ	Số lượng CK nắm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Số tiền cổ tức sau thuế	Ký nhận
1	2	3	4	5	6	7=6*1.100	8=7*5%	9=7-8	10
17	Lê Xuân Tú	121492878	Việt Nam	Số 22- Phố Thị Chung- Kinh Bắc - TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	3.600	3.960.000	198.000	3.762.000	
18	Lê Đắc Hùng	125091481	Việt Nam	Thôn Đông - Tam Giang- Yên Phong Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
19	Lưu Thị Thuận	125072769	Việt Nam	Số 47- Đường Lý Nhân Tông- Võ Cường TP Bắc Ninh	2.400	2.640.000	132.000	2.508.000	
20	Lưu Văn Cường	125072831	Việt Nam	Gia Phú- Bình Dương- Gia Bình Bắc Ninh	2.400	2.640.000	132.000	2.508.000	
21	Lưu Xuân Phong	125211231	Việt Nam	119- Nguyễn Đức Cảnh- Kinh Bắc- Bắc Ninh	5.600	6.160.000	308.000	5.852.000	
22	Nghiêm Khắc Thoại	125439118	Việt Nam	Khu Hai Vân- P. Vân Dương- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.300	2.530.000	126.500	2.403.500	
23	Nguyễn Bá Thành	125093755	Việt Nam	Viêm Xá- Hòa Long- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	5.100	5.610.000	280.500	5.329.500	
24	Nguyễn Hoài Nam	125659680	Việt Nam	Đôi Búp Lê- P. Vũ Ninh- TP Bắc Ninh	1.800	1.980.000	99.000	1.881.000	
25	Nguyễn Huy Ba	125155036	Việt Nam	Nhà A- Phòng 303-Khu nhà ở Sinh Viên- Hòa Long Kinh Bắc, Bắc Ninh	1.900	2.090.000	104.500	1.985.500	
26	Nguyễn Huy Cường	125067345	Việt Nam	Phú Trên- Phú Hòa- Lương Tài Bắc Ninh	6.100	6.710.000	335.500	6.374.500	
27	Nguyễn Hương Giang	0271820007	Việt Nam	48. Đường Kinh Bắc 53- Phường Kinh Bắc- TP Bắc Ninh	2.100	2.310.000	115.500	2.194.500	
28	Nguyễn Hữu Huân	125144490	Việt Nam	Thôn Tập Ninh- Xã Chi Lăng- Quê Võ Bắc Ninh	3.100	3.410.000	170.500	3.239.500	
29	Nguyễn Hữu Phát	125057203	Việt Nam	Dũng Liệt- Yên Phong- Bắc Ninh	3.100	3.410.000	170.500	3.239.500	
30	Nguyễn Hữu Thọ	125702157	Việt Nam	Thôn Quả Cầm- Xã Hòa Long- Bắc Ninh	1.800	1.980.000	99.000	1.881.000	
31	Nguyễn Ngọc Út	125519368	Việt Nam	Khu Cỏ Mễ- Phường Vũ Ninh- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	6.100	6.710.000	335.500	6.374.500	
32	Nguyễn Ngọc Được	125312058	Việt Nam	Khu Cỏ Mễ- Phường Vũ Ninh- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.200	2.420.000	121.000	2.299.000	
33	Nguyễn Ngọc Đạt	125614319	Việt Nam	Khu Cỏ Mễ- Phường Vũ Ninh- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	3.700	4.070.000	203.500	3.866.500	
34	Nguyễn Quang Hiệp	125778168	Việt Nam	Ngõ 286- Khu 4- Phường. Thị Cầu- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	6.900	7.590.000	379.500	7.210.500	
35	Nguyễn Quang Tiến	125116850	Việt Nam	Thôn Rền, xã Cảnh Hưng, H. Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	5.800	6.380.000	319.000	6.061.000	
36	Nguyễn Thị Hải Lý	121908705	Việt Nam	Số nhà 15- Đường Đại Phúc 17- P. Đại Phúc- TP Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Địa chỉ liên hệ	Số lượng CK năm giữ	Số tiền cô tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Số tiền cô tức sau thuế	Ký nhận
1	2	3	4	5	6	7=6*1.100	8=7*5%	9=7-8	10
37	Nguyễn Thị Bích Lan	125839023	Việt Nam	51 Phố Nhà Chung- Tiền an- Bắc Ninh	3.000	3.300.000	165.000	3.135.000	
38	Nguyễn Thị Duyên	125197030	Việt Nam	Số 82- Đồng Địa- Khu 2 Thị Cầu- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.900	3.190.000	159.500	3.030.500	
39	Nguyễn Thị Hanh	125823933	Việt Nam	Khu Yên Mẫn- Phường Kinh Bắc- Bắc Ninh	3.200	3.520.000	176.000	3.344.000	
40	Nguyễn Thị Hiền	125566459	Việt Nam	Khu1- Phường Đại Phúc- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	4.200	4.620.000	231.000	4.389.000	
41	Nguyễn Thị Huê	125129797	Việt Nam	Khu 2- Đại Phúc- Bắc Ninh	2.600	2.860.000	143.000	2.717.000	
42	Nguyễn Thị Huệ	125176297	Việt Nam	Thôn Xuân Ái- Xã Hòa Long Bắc Ninh	2.400	2.640.000	132.000	2.508.000	
43	Nguyễn Thị Hằng Trang	125918886	Việt Nam	Phường Vệ An, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	2.400	2.640.000	132.000	2.508.000	
44	Nguyễn Thị Kim Phuong	125006681	Việt Nam	Ngõ 80 Khu Hữu- Đường Thành Cổ- P. Vệ an- Bắc Ninh	1.100	1.210.000	60.500	1.149.500	
45	Nguyễn Thị Lành	125610060	Việt Nam	Số 6- Khu tập thể Cảng Kinh Sông Cầu- Vũ Ninh Bắc Ninh	2.600	2.860.000	143.000	2.717.000	
46	Nguyễn Thị Lý	125314666	Việt Nam	Thôn Tập Ninh- Xã Chi Lăng- Quê Võ Bắc Ninh	2.200	2.420.000	121.000	2.299.000	
47	Nguyễn Thị Mơ	125540077	Việt Nam	Số nhà 55- Khu 5- Ninh Xá- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.500	2.750.000	137.500	2.612.500	
48	Nguyễn Thị Mến	125608647	Việt Nam	Khu 4- Phường Đại Phúc- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.300	2.530.000	126.500	2.403.500	
49	Nguyễn Thị Thuý	125052241	Việt Nam	Thụ Ninh- Vạn an- Bắc Ninh	2.600	2.860.000	143.000	2.717.000	
50	Nguyễn Thị Thảo	125211955	Việt Nam	Hữu Chấp - Hòa Long- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.600	2.860.000	143.000	2.717.000	
51	Nguyễn Tiến Nguyên	125633508	Việt Nam	Phú Trên- Phú Hòa- Lương Tài Bắc Ninh	2.200	2.420.000	121.000	2.299.000	
52	Nguyễn Trường Thịnh	125447258	Việt Nam	Thôn Dọc- Xã Liên Bảo- Huyện Tiên Du- Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
53	Nguyễn Văn Cư	125394491	Việt Nam	Xuân Lai- Gia Bình- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
54	Nguyễn Văn Hiệu	125210941	Việt Nam	Xóm Đông- Bằng An- Quê Võ Bắc Ninh	2.400	2.640.000	132.000	2.508.000	
55	Nguyễn Văn Hoạt	125526855	Việt Nam	Viêm Xá- Hòa Long- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
56	Nguyễn Văn Huân	125031123	Việt Nam	Yên Lâm- Bằng An- Quê Võ- Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	

08
ÔN
CỘ P
AT
Y NI
AC
VINH

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Địa chỉ liên hệ	Số lượng CK nắm giữ	Số tiền cô tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Số tiền cô tức sau thuế	Ký nhận
1	2	3	4	5	6	7=6*1.100	8=7*5%	9=7-8	10
57	Nguyễn Văn Lanh	125648744	Việt Nam	Khu 4- Phường Đại Phúc- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
58	Nguyễn Văn Quyết	125233272	Việt Nam	Số nhà 41- Khu Niềm Xá- P. Kinh Bắc - Bắc Ninh	7.100	7.810.000	390.500	7.419.500	
59	Nguyễn Văn Sinh	125549257	Việt Nam	Viêm Xá- Hòa Long- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	5.800	6.380.000	319.000	6.061.000	
60	Nguyễn Văn Tiệp	125397612	Việt Nam	Ngọc Đồi- Kim Chân- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.100	2.310.000	115.500	2.194.500	
61	Nguyễn Văn Từ	125029403	Việt Nam	Số 7- Ngõ 6- Đường Thành Cô- Phường Vệ An- TP Bắc Ninh	3.800	4.180.000	209.000	3.971.000	
62	Nguyễn Văn Đông	125325049	Việt Nam	Kinh Bắc 7- P. Vũ Ninh- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	5.700	6.270.000	313.500	5.956.500	
63	Nguyễn Văn Đồng	125623547	Việt Nam	Khu Thanh Sơn- Phường Vũ Ninh- Bắc Ninh	5.800	6.380.000	319.000	6.061.000	
64	Nguyễn Vũ Thu Hoan	125858558	Việt Nam	Số 8- Ngõ 237- Công Hậu- Vệ an - TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	6.600	7.260.000	363.000	6.897.000	
65	Nguyễn Xuân Quyết	125778563	Việt Nam	Số 33, Âu Cơ, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	6.200	6.820.000	341.000	6.479.000	
66	Nguyễn Đình Nam	125660189	Việt Nam	Thôn Tập Ninh- Xã Chi Lăng- Quê Võ Bắc Ninh	2.900	3.190.000	159.500	3.030.500	
67	Nguyễn Đình Quang	125377910	Việt Nam	Mao Dộc, Phường Mao- Quê Võ- Bắc Ninh	3.300	3.630.000	181.500	3.448.500	
68	Nguyễn Đức Chiến	125666243	Việt Nam	Xã Việt Hùng, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	6.600	7.260.000	363.000	6.897.000	
69	Ngô Công Dục	125667723	Việt Nam	Viêm Xá- Hòa Long- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.000	2.200.000	110.000	2.090.000	
70	Phan Đình Quyết	125328260	Việt Nam	Số 1- Ngõ 425- Đường Hoàng Quốc Việt- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.100	2.310.000	115.500	2.194.500	
71	Phương Thị Giang	125652026	Việt Nam	Khu 4 Mới- Đại Phúc- Bắc Ninh	2.300	2.530.000	126.500	2.403.500	
72	Phạm Huy Hậu	125095452	Việt Nam	Khu 10- Đại Phúc- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.900	3.190.000	159.500	3.030.500	
73	Vũ Anh Tuyền	125044168	Việt Nam	Khu Phương Vỹ- Vũ Ninh- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	2.500	2.750.000	137.500	2.612.500	
74	Phạm Thị Hải	125088724	Việt Nam	Xóm 3- Khả Lễ- Võ Cường- Bắc Ninh	3.000	3.300.000	165.000	3.135.000	
75	Phạm Văn Vinh	125028454	Việt Nam	Do Nha - Phường Liễu- Quê Võ - Bắc Ninh	6.200	6.820.000	341.000	6.479.000	
76	Trương Văn Đại	125023278	Việt Nam	Đông Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh	5.900	6.490.000	324.500	6.165.500	

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Địa chỉ liên hệ	Số lượng CK năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Số tiền cổ tức sau thuế	Ký nhận
1	2	3	4	5	6	7=6*1.100	8=7*5%	9=7-8	10
77	Trương Đại Thắng	125304791	Việt Nam	Khu Niềm Xá- Kinh Bắc- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	1.100	1.210.000	60.500	1.149.500	
78	Trần Mạnh Thường	125104490	Việt Nam	Ngõ 10, số 27- Khu phố Niềm Xá- Kinh Bắc, Bắc Ninh	7.500	8.250.000	412.500	7.837.500	
79	Trần Việt Bắc	125296646	Việt Nam	Khu Yên Mẫn- Phường Kinh Bắc- Bắc Ninh	1.200	1.320.000	66.000	1.254.000	
80	Trần Văn Hoạt	125005124	Việt Nam	Ngõ 44- Khu Chợ Mới - Bò Sơn Bắc Ninh	5.000	5.500.000	275.000	5.225.000	
81	Phan Khắc Hoàn	125312365	Việt Nam	Thôn Chi Hồ - Tân Chi -Tiên Du - Bắc Ninh	2.500	2.750.000	137.500	2.612.500	
82	Trần Văn Vinh	125556640	Việt Nam	Vũ Ninh 28, Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	3.200	3.520.000	176.000	3.344.000	
83	Trịnh Quang Minh	125304020	Việt Nam	Khu 7- Phường Đại Phúc- TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	1.100	1.210.000	60.500	1.149.500	
84	Vũ Bình Hải	125480973	Việt Nam	Số nhà 59- Đường Thành Sơn- Khu 1- Đáp Cầu Bắc Ninh	4.300	4.730.000	236.500	4.493.500	
85	Vũ Văn Hùng	125702864	Việt Nam	Khu Phương Vỹ- Phường. Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	5.800	6.380.000	319.000	6.061.000	
86	Vũ Văn Linh	125275580	Việt Nam	khu phương vỹ, phường vũ ninh, thành phố Bắc Ninh	5.300	5.830.000	291.500	5.538.500	
87	Vũ Xuân Thương	125150688	Việt Nam	Khu Phương Vỹ- Phường. Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	5.700	6.270.000	313.500	5.956.500	
88	Đoàn Ngọc Minh	125526884	Việt Nam	Xóm 3- Quả Cầm- Hòa Long - TP Bắc Ninh	800	880.000	44.000	836.000	
89	Đoàn Thị Tươi	125581542	Việt Nam	Thôn Tỳ Điện, xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	3.200	3.520.000	176.000	3.344.000	
90	Đào Anh Phương	125047724	Việt Nam	Nghĩa Vy- Hoài Thượng- Thuận Thành- Bắc Ninh	2.400	2.640.000	132.000	2.508.000	
91	Đào Khắc Lập	125001796	Việt Nam	Lạc Trung- Dũng Liệt- Yên Phong- Bắc Ninh	3.100	3.410.000	170.500	3.239.500	
92	Đào Thanh Biên	125888238	Việt Nam	Khu Phương Vỹ- Phường. Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	7.600	8.360.000	418.000	7.942.000	
93	Đặng Quang Tới	125511813	Việt Nam	Khu Đương Xá 1- Phường Vạn an- Bắc Ninh	700	770.000	38.500	731.500	
94	Đặng Văn Đức	125302750	Việt Nam	Số nhà 101- Phường Vệ an Bắc Ninh	1.000	1.100.000	55.000	1.045.000	
95	Đỗ Khả Quyền	121799851	Việt Nam	Khu 2- Đại Phúc- Bắc Ninh	2.200	2.420.000	121.000	2.299.000	
96	Đỗ Văn Khoản	125227330	Việt Nam	Đường Nguyễn Đức Cảnh- Khu Yna- P. Kinh Bắc- Bắc Ninh	5.100	5.610.000	280.500	5.329.500	

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Địa chỉ liên hệ	Số lượng CK năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Số tiền cổ tức sau thuế	Ký nhận
1	2	3	4	5	6	7=6*1.100	8=7*5%	9=7-8	10
Cộng cá nhân					328.300	361.130.000	18.056.500	343.073.500	
II	Tổ chức					=	=	=	
97	Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	2300898204	Việt Nam	Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh	43.700		-	-	
98	Công ty cổ phần Đầu tu Xây dựng và Thương mại Phú Điền	0302801990	Việt Nam	Số 31, Tân Canh, Phường 1, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	3.070.810	3.377.891.000		3.377.891.000	
99	Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	1297/QĐ- UBND	Việt Nam	Số 10 Phủ Đông Thiên Vương, P. Suối Hoa, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	974.782	1.072.260.200		1.072.260.200	
Cộng tổ chức					4.089.292	4.450.151.200	-	4.450.151.200	
Tổng cộng					4.417.592	4.811.281.200	18.056.500	4.793.224.700	

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 7 năm 2020

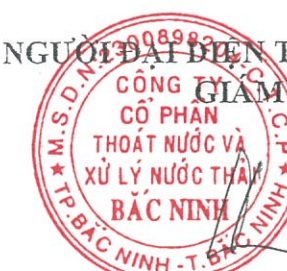
NGƯỜI LẬP


Chu Đức Ánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Vũ Thu Hoan

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Quyết

